

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Phương pháp đánh giá: Đạt/Không đạt

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật tư, vật liệu, thiết bị:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|-----------|
| 1.1. Bảng liệt kê vật tư, vật liệu, thiết bị chính đáp ứng yêu cầu quy định tại Chương V – Yêu cầu về kỹ thuật. | - Có bảng liệt kê vật tư, vật liệu, thiết bị chính cho gói thầu, kèm theo tài liệu để chứng minh nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, đầy đủ theo danh mục tại Chương V – Yêu cầu về kỹ thuật. - Có lập bảng so sánh cấu hình, tính năng kỹ thuật của thiết bị chào thầu với yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT. | Đạt |
| | Không đáp ứng đầy đủ yêu cầu trên. | Không đạt |
| 1.2. Đối với tất cả các vật tư, vật liệu, thiết bị chính quy định tại Chương V – Yêu cầu về kỹ thuật. | - Có hợp đồng cung hoặc cam kết cung cấp dành riêng cho gói thầu với nhà cung cấp (hoặc nhà sản xuất) đối với tất cả các vật tư, vật liệu, thiết bị quy định tại Chương V – Yêu cầu về kỹ thuật; - Có các cam kết theo yêu cầu quy định tại Chương V – Yêu cầu về kỹ thuật. | Đạt |
| | - Không đáp ứng đầy đủ yêu cầu trên. | Không đạt |

2. Giải pháp kỹ thuật:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|-----|
| 2.1. Tổ chức mặt bằng công trường: Thiết bị thi công, lán trại, kho | - Có đề xuất giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Đạt |

| | | |
|--|--|-----------|
| bãi tập kết vật liệu, chất thải, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công, đảm bảo vẫn duy trì hoạt động thường xuyên của tòa nhà ... | - Có bản vẽ minh họa phù hợp với đề xuất. | |
| | Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đầy đủ các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 2.2. Giải pháp trắc đạc để định vị các kết cấu công trình | Có đề xuất về giải pháp chi tiết đầy đủ, phù hợp với điều kiện, tiến độ thi công công trình xây dựng (bao gồm thuyết minh và bản vẽ) | Đạt |
| | Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đầy đủ các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 2.3. Giải pháp kỹ thuật về công tác ra vào công để đảm bảo tính an toàn, nghiêm trang của nhà trường: - Thủ tục khai báo, xuất trình giấy tờ, xin cấp phép ra vào (nếu có). - Thủ tục ra vào của cán bộ của nhà thầu, cán bộ kỹ thuật, nhân công, ... - Thủ tục vận chuyển ra vào hàng hóa – vật tư – thiết bị - Quản lý con người trong công trình thi công. - Nhà thầu có cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các thủ tục, quy định của chủ đầu tư và pháp luật hiện hành; Cam kết chịu mọi trách nhiệm trước Chủ đầu tư và pháp luật hiện hành nếu để xảy ra những ảnh hưởng đến chủ đầu tư do lỗi của mình; Cam | Có trình bày giải pháp kỹ thuật hợp lý và phù hợp | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |

| | | |
|---|--|--|
| kết không gây rối, gây mất trật tự,... (trường hợp không được ra vào do chưa thực hiện đúng thủ tục của chủ đầu tư) | | |
|---|--|--|

3. Biện pháp tổ chức thi công

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|-----------|
| 3.1. Bảo đảm an toàn thi công: Lắp dựng giàn giáo, lan can an toàn, lưới an toàn, ... | - Có đề xuất về biện pháp thi công đầy đủ, phù hợp với điều kiện, tiến độ thi công công trình xây dựng (bao gồm thuyết minh và bản vẽ); - Có đề xuất cách bố trí thi công lắp đặt giàn giáo mặt ngoài phù hợp với điều kiện, hồ sơ thiết kế và khối lượng công việc của gói thầu. | Đạt |
| | Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đầy đủ các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 3.2. Biện pháp tổ chức thi công chi tiết đầy đủ các công tác thuộc các hạng mục công việc của gói thầu | Có đề xuất về biện pháp thi công chi tiết đầy đủ, phù hợp với điều kiện, tiến độ thi công công trình xây dựng (bao gồm thuyết minh và bản vẽ) | Đạt |
| | Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đầy đủ các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 3.3. Biện pháp phối hợp giữa các hạng mục công việc để quá trình tổ chức thi công triển khai một cách có trình tự | Có đề xuất về biện pháp phối hợp giữa các hạng mục công việc đầy đủ, phù hợp với điều kiện, tiến độ thi công công trình xây dựng | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |

4. Tiến độ thi công:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|-----------|
| 4.1. Thời gian thi công: Đảm bảo thời gian thi công không quá 20 ngày có tính đến điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công | Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 20 ngày ngày có tính đến điều kiện thời tiết. | Đạt |
| | Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 20 ngày ngày hoặc không tính đến điều kiện thời tiết | Không đạt |
| 4.2. Tính phù hợp: a) Giữa biểu đồ huy động thiết bị và biểu đồ tiến độ thi công b) Giữa biểu đồ bố trí nhân lực và biểu đồ tiến độ thi công | Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 3 nội dung a), b) và c). | Đạt |
| | Đề xuất không đủ 3 nội dung a), b) và c) hoặc đề xuất không đáp ứng yêu cầu. | Không đạt |

| | | |
|---|--|-----------|
| c) Giữa biểu đồ bố trí vật tư và biểu đồ tiến độ thi công | | |
| 4.3. Biểu đồ tiến độ thi công chi tiết từng hạng mục công việc hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT | Có Biểu đồ tiến độ thi công chi tiết từng hạng mục công việc hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. | Đạt |
| 4.3. Biểu đồ tiến độ thi công chi tiết từng hạng mục công việc hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |
| 4.4. Giải pháp đẩy nhanh tiến độ của gói thầu theo các yêu cầu cấp bách, hợp lý để đưa công trình vào khai thác sử dụng | Có cam kết và đề xuất về giải pháp đẩy nhanh tiến độ của gói thầu theo các yêu cầu cấp bách, hợp lý để đưa công trình vào khai thác sử dụng. | Đạt |
| 4.4. Giải pháp đẩy nhanh tiến độ của gói thầu theo các yêu cầu cấp bách, hợp lý để đưa công trình vào khai thác sử dụng | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |

5. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|-----------|
| 5.1. Sơ đồ quy trình quản lý chất lượng và bộ phận quản lý chất lượng | - Có sơ đồ quản lý chất lượng rõ ràng, hợp lý. - Có thuyết minh quyền hạn và nghĩa vụ của bộ phận quản lý chất lượng rõ ràng. | Đạt |
| | - Không có sơ đồ quản lý chất lượng rõ ràng, hợp lý; hoặc - Không có thuyết minh quyền hạn và nghĩa vụ của bộ phận quản lý chất lượng rõ ràng hoặc có thuyết minh nhưng sơ sài. | Không đạt |
| 5.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường | Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, mô tả rõ trách nhiệm, quyền hạn trách nhiệm của từng bộ phận, vị trí công việc từng cán bộ chủ chốt, và tổ đội thi công. | Đạt |
| | Không đáp ứng đầy đủ yêu cầu trên. | Không đạt |
| 5.3. Biện pháp bảo đảm chất lượng cho từng công tác thi công xây dựng công trình | Có đầy đủ biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Đạt |
| | Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đầy đủ yêu cầu trên. | Không đạt |
| 5.4. Biện pháp bảo đảm chất lượng vật | Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức | Đạt |

| | | |
|--|---|-----------|
| tư, vật liệu, thiết bị đầu vào để phục vụ công tác thi công xây dựng | thi công | |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 5.5. Biện pháp, quy trình quản lý tài liệu, Hồ sơ, bản vẽ hoàn công, nghiệm thu, thanh quyết toán | Có đầy đủ giải pháp hợp lý biện pháp, quy trình quản lý tài liệu: Hồ sơ, bản vẽ hoàn công, nghiệm thu, thanh quyết toán đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của gói thầu | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 5.6. Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công, duy trì thi công khi mất điện, đảm bảo thiết bị trên công trường hoạt động liên tục | Có đầy đủ biện pháp đảm bảo tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |

6. An toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|-----------|
| 6.1. An toàn giao thông: - An toàn trong quá trình thi công, vận chuyển vật tư, vật liệu, thiết bị trong và ngoài công trình. - Đề xuất các nội dung an toàn giao thông có liên theo quy định hiện hành và thực tế của công trình. | Có biện pháp an toàn giao thông (bao gồm thuyết minh và bản vẽ minh họa) hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Đạt |
| | Không có thuyết minh và bản vẽ biện pháp an toàn giao thông hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Không đạt |
| 6.2. An toàn lao động: Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ | Có biện pháp an toàn lao động (bao gồm thuyết minh và bản vẽ minh họa) hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Đạt |
| | Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp an toàn lao động nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất | Không đạt |

| | | |
|---|--|------------------|
| <p>chức thi công:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chính sách về quản lý an toàn lao động; - Sơ đồ tổ chức của bộ phận quản lý an toàn lao động, trách nhiệm của các tổ chức cá nhân có liên quan; - Quy định về quy trình làm việc hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng hoặc định kỳ đối với các công việc có yêu cầu cụ thể đảm bảo an toàn lao động; - Quy định về các biện pháp đảm bảo an toàn lao động cụ thể trên công trường; - Quy định về trang bị, cung cấp, quản lý và sử dụng các phương tiện bảo vệ cá nhân; - Quản lý sức khỏe và môi trường lao động; - Quy định về ứng phó với tình huống khẩn cấp. | <p>về biện pháp tổ chức thi công hoặc không có bản vẽ minh họa.</p> | |
| <p>6.3. Phòng cháy, chữa cháy:</p> <p>Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công</p> | <p>Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy (bao gồm thuyết minh và bản vẽ minh họa) hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công</p> | <p>Đạt</p> |
| | <p>Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công hoặc không có bản vẽ minh họa</p> | <p>Không đạt</p> |

| | | |
|--|---|-----------|
| 6.4. Vệ sinh môi trường: | Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường (thuyết minh và bản vẽ minh họa) hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Đạt |
| Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công: - Kiểm soát không gây ảnh hưởng, tác động đến các hoạt động của nhà trường; - Kiểm soát tiếng ồn, bụi, khói; - Kiểm soát rò rỉ dầu mỡ; - Kiểm soát rác thải, nhà vệ sinh của công nhân trên công trường. | Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công hoặc không có bản vẽ minh họa | Không đạt |

7. Bảo hành, bảo trì, vận hành, thử nghiệm và uy tín của nhà thầu:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|-----------|
| 7.1. Thời gian bảo hành | - Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng. - Đối với các thiết bị lắp đặt và công trình: Có cam kết thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng. Đối với các thiết bị bảo hành theo quy định của nhà sản xuất thì theo quy định của nhà sản xuất tuy nhiên không nhỏ hơn 12 tháng. | Đạt |
| | Không đáp ứng các yêu cầu trên | Không đạt |
| 7.2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì | - Lịch bảo trì tối thiểu 03 tháng/ lần (04 lần/năm) kể từ ngày bàn giao nghiệm thu. - Nhà thầu (kể cả thành viên liên danh) phải có cam kết: Cam kết có đội ngũ nhân viên sửa chữa thiết bị, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu sửa | Đạt |

| | | |
|--|--|-----------|
| | chữa bảo hành trong vòng 24 giờ khi có yêu cầu của Chủ đầu tư. | |
| | Không đáp ứng các yêu cầu trên. | Không đạt |

8. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | Kết luận |
|--|---|-----------|
| Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC của nhà thầu theo quy định tại theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP kể từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu. | Nhà thầu có bản cam kết và không vi phạm theo quy định. | Đạt |
| | Nhà thầu không có bản cam kết hoặc vi phạm theo quy định. | Không đạt |

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chuẩn nêu trên được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn chi tiết thì đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.